

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/7/2021

V/v “*Kiên ly hôn,*

tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường;

2. Ông Dương Quý Sáng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu – Thư ký

Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2021/TLST - HNGĐ ngày 20/4/2021 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Lương Thị T - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản T, xa T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Hoàng Văn T - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản T, xa T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày 27/8/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Bảo Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Thị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Hoàng Miên T sinh ngày 26/3/2008 và cháu Hoàng Thị Cẩm L sinh ngày 10/4/2009. Hiện các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Khi ly hôn chị T có

nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Miên T, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Thị Cẩm L đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2021 anh Hoàng Văn T trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như chị Thị trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đi làm ăn không quan tâm đến gia đình, thậm chí là có mối quan hệ với người khác, không chung thủy, từ đó vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị T phải cam kết không yêu cầu chia tài sản chung thì anh Thiết mới nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, hiện nay các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Thị Cẩm L, để chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Miên T đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lương Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn ngày 27/6/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Bảo Yên trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, không tin tưởng lẫn nhau, từ đó xảy ra cãi chửi nhau. Anh T cho rằng chị T có mối quan hệ với người khác, không chung thủy với anh nhưng anh không có căn cứ để chứng minh. Anh chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Bản thân chị T và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Miên T sinh ngày 26/3/2008 và cháu Hoàng Thị Cẩm L sinh ngày 10/4/2009. Chị Lương Thị T và anh Hoàng Văn T đều có nguyện vọng để chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Miên T, để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Thị Cẩm L đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy theo đơn trình bày của chị T (có xác nhận của UBND xã T) chị T làm nghề tự do mức thu nhập là 5.000.000 đồng/tháng, còn anh T đã cung cấp hợp đồng lao động hiện nay anh là công nhân công ty TNHH MTV SUPE LÂN APROMACO Lào Cai, mức lương cơ bản là 3.875.000 đồng. Ngoài ra cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu L có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy cần giao cháu Hoàng Miên T cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giao cháu Hoàng Thị Cẩm L cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Miên T sinh ngày 26/3/2008 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giao cháu Hoàng Thị Cẩm L sinh ngày 10/4/2009 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003269 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã ;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Cam Cọn;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh

